

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BA
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **22 /2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 13 tháng 06 năm 2018

V/v: “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA-TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Lệ Thanh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phùng Văn Thị;**

2. Ông **Vũ Ngọc Giáp.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Thị Duyên**- Cán bộ TAND huyện Thanh Ba

Trong ngày 13 tháng 06 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60 /2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 05 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Hà Thị T**- Sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: Khu 5, xã V, huyện T, tỉnh P.

Bị đơn: Anh **Hà Văn N** - Sinh năm 1974 (có mặt)

Địa chỉ: Khu 5, xã V, huyện T, tỉnh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Hà Thị T trình bày:**

Chị và anh Hà Văn N tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau ngày 30/10/1997, đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T, tỉnh P. Sau khi kết hôn vợ chồng chị ở chung với gia đình anh N ở khu 5 xã V, khoảng hai năm sau làm nhà ra ở riêng. Tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc. Từ năm 2016 vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N nghi ngờ chị ngoại tình, thường xuyên đe dọa, chửi bới chị. Nhiều lần chị nói chuyện với anh N để vợ chồng hiểu nhau, anh N nhiều lần xin lỗi chị. Tuy nhiên sau đó anh N không thay đổi mà tiếp tục nghi ngờ, xỉ nhục, xúc phạm chị.

Gia đình và địa phương đã đến hòa giải nhưng anh N không thay đổi. Nay tình cảm vợ chồng đã hết, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị và anh N có 02 con chung là Hà Tiến L - sinh ngày 07/8/1998 và Hà Tiến N - sinh ngày 29/11/2004. Hiện nay, cháu L đã trưởng thành. Khi ly hôn chị xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, việc cấp dưỡng nuôi con chung là tùy anh N, chị không bắt buộc. Tại phiên tòa hôm nay chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi cháu N.

Về tài sản chung: Chị Hà Thị T khai vợ chồng có nhà riêng, bếp và các công trình phụ, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi ly hôn vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ, công sức: Chị T khai không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về đất nông nghiệp: Chị T thừa nhận vợ chồng có 02 thửa đất. Khi ly hôn chị xin nhận thửa đất số 262 tờ bản đồ số 4 với diện tích 360m², để anh N sử dụng thửa 245-1 tờ bản đồ số 4 diện tích 432m². Đất nông nghiệp đã được vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00388.QSĐĐ, ngày 07/9/1999 mang tên Hà Văn N. Không bên nào phải thanh toán chênh lệch tài sản.

*** Bị đơn anh Hà Văn N trình bày:**

Anh thừa nhận lời trình bày của chị Hà Thị T về điều kiện kết hôn, thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn, quá trình chung sống là đúng. Mâu thuẫn vợ chồng mới phát sinh từ năm 2017. Nguyên nhân do vợ chồng có sự hiểu nhầm về nhau. Khi vợ chồng cãi nhau anh có nói những lời xúc phạm chị T, chị T có lần bực quá đã kè dao vào cổ anh. Chính quyền địa phương và gia đình đã hòa giải nên sau đó vợ chồng lại đoàn tụ. Nay chị T xin ly hôn, anh xin đoàn tụ, mong chị T bỏ qua lỗi lầm của anh để vợ chồng tiếp tục chung sống.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung họ tên ngày sinh như chị T trình bày là đúng. Nếu vợ chồng ly hôn, anh đồng ý để chị T nuôi cháu N và anh cấp dưỡng nuôi cháu N là 650.000đ/tháng.

Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp, đất nông nghiệp: Anh thừa nhận lời trình bày của chị T là đúng. Nếu ly hôn về tài sản chung vợ chồng anh tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết. Về đất nông nghiệp anh nhất trí với đề nghị của chị T. Về công nợ, công sức làm dâu ở rể không có nên anh không đề nghị giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba sau khi nhận được đơn khởi kiện của chị Hà Thị T đã tiến hành báo gọi các bên đương sự đến trình bày lời khai, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật. Tại các buổi hòa giải do các bên đương sự không thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử là hoàn toàn phù hợp quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa chị Hà Thị T với anh Hà Văn N là hôn nhân hợp pháp, được đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã V, huyện T, tỉnh P theo quy định của pháp luật. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc theo chị T đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn do anh N nghi ngờ chị ngoại tình, hay chửi bới, xúc phạm chị. Phía anh N khai vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017. Nguyên nhân do vợ chồng có sự hiểu nhầm về nhau. Khi vợ chồng cãi nhau anh đã có lời lẽ xúc phạm chị T. Cả anh N và chị T đều thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình và địa phương hòa giải, vợ chồng tha thứ cho nhau sau đó lại mâu thuẫn do anh N không thay đổi, tiếp tục nghi ngờ chị T ngoại tình. Lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay chị T xin ly hôn anh N vì tình cảm vợ chồng không còn. Phía anh N luôn thể hiện anh đã sai khi nghi ngờ vô căn cứ đối với chị T và xin chị T tha thứ để vợ chồng đoàn tụ. Từ những nhận định nêu trên có đủ cơ sở để khẳng định rằng: Mâu thuẫn giữa chị T và anh N đã kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T đã nhiều lần tha thứ cho anh N nhưng sau đó vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn do anh N không thay đổi. Yêu cầu xin ly hôn của chị T là chính đáng, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị T và anh N có 02 con chung là Hà Tiến L - sinh ngày 07/8/1998 và Hà Tiến N - sinh ngày 29/11/2004. Hiện nay, cháu L đã trưởng thành. Chị T xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, anh N nhất trí cấp dưỡng nuôi cháu N là 650.000đ/tháng. HĐXX thấy rằng đề nghị này của chị T và anh N là phù hợp cần chấp nhận.

[4]. Về tài sản chung: Chị Hà Thị T và anh Hà Văn N thừa nhận vợ chồng có nhà xây, bếp xây, công trình phụ làm trên đất thổ cư đã được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hà Văn N. Khi ly hôn hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Thỏa thuận này của anh chị là đúng pháp luật nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. Về công nợ chung, công sức đóng góp cho hai bên gia đình: Chị Hà Thị T và anh Hà Văn N đều khẳng định không có và không đề nghị giải quyết nên Tòa án không đặt ra giải quyết là phù hợp.

[6]. Về đất nông nghiệp: Chị Hà Thị T và anh Hà Văn N thừa nhận vợ chồng có 02 thửa ruộng. Khi ly hôn hai bên nhất trí thỏa thuận: Chị T sử dụng thửa đất số 262 tờ

bản đồ số 4 diện tích 360m², anh N sử dụng thửa 245-1 tờ bản đồ số 4 diện tích 432m². Đất nông nghiệp đã được vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00388.QSDĐ, ngày 07/9/1999 mang tên Hà Văn N. Không bên nào phải thanh toán chênh lệch tài sản cho bên kia. Thỏa thuận này của anh chị là đúng pháp luật cần chấp nhận.

[7]. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Hà Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Hà Văn N phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 62, Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị T được ly hôn anh Hà Văn N.

Về con chung: Giao cho Chị Hà Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Hà Tiến N - sinh ngày 29/11/2004, anh Hà Văn N cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T là 650.000đ/ tháng kể từ tháng 6/2018 cho đến khi cháu N trưởng thành. Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện hàng tháng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Xác nhận chị Hà Thị T và anh Hà Văn N không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung, công sức đóng góp: Xác nhận chị Hà Thị T và anh Hà Văn N đều thừa nhận không có.

Về đất nông nghiệp: Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự như sau: Chị Hà Thị T sử dụng thửa đất số 262 tờ bản đồ số 4 diện tích 360m²; anh Hà Văn N sử dụng thửa 245-1 tờ bản đồ số 4 diện tích 432m². Đất nông nghiệp đã được vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00388.QSDĐ, ngày 07/9/1999 mang tên Hà Văn N. Không bên nào phải thanh toán chênh lệch tài sản cho bên kia.

Về án phí: Chị Hà Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Hà Văn N phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con. Xác nhận chị Hà Thị T đã nộp 300.000.đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba theo biên lai thu số AA/2015/0004145 ngày 27/4/2018.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh, huyện
- THADS huyện
- UBND xã V.
- Các đương sự
- Lưu HS,VP

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lệ Thanh